



Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết phần mở đầu, chương 1 chương trình sách giáo khoa Sinh 10 – Chân trời sáng tạo.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh học.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của chương trình Sinh 10.

Phần trắc nghiệm (6 điểm):

Câu 1: Thành phần quan trọng cấu tạo nên thành tế bào của nhiều loài nấm là:

- A. Peptidoglycan
- B. Cellulose
- C. Nucleic acid
- D. Chitin

Câu 2: Enzyme có vai trò làm cho năng lượng hoạt hoá của các chất tham gia phản ứng:

- A. Giảm, do đó làm tăng tốc độ phản ứng
- B. Tăng, do đó làm giảm tốc độ phản ứng
- C. Tăng, do đó làm tăng tốc độ phản ứng
- D. Giảm, do đó làm giảm tốc độ phản ứng

Câu 3: Chức năng của RNA thông tin là gì?

- A. Tham gia vào quá trình điều hòa hoạt động của gen
- B. Vận chuyển amino acid đến ribosome và tiến hành dịch mã.
- C. Truyền thông tin di truyền từ ADN đến protein
- D. Cấu tạo nên riboxom nơi tiến hành tổng hợp protein

Câu 4: Các đơn phân cấu tạo nên protein khác nhau bởi thành phần nào sau đây?

- A. Nitrogenous base
- B. Nhóm carboxyl
- C. Nhóm amino
- D. Góc R

Phương pháp:

Các loại axit amin trong phân tử protein giống nhau nhóm cacboxyl, nhóm amin, khác nhau bởi gốc R

Câu 5: Cho các nội dung sau:

(I) Enzyme liên kết với cơ chất tại trung tâm hoạt động.

(II) Tạo nên phức hợp trung gian enzyme-cơ chất.

(III) Tạo ra sản phẩm và giải phóng enzyme.

Cơ chế hoạt động enzyme được thực hiện theo trình tự nào sau đây?

A. (II) → (III) → (I)

B. (I) → (III) → (II)

C. (I) → (II) → (III)

D. (II) → (I) → (III)

Câu 6: Một loại tế bào bạch cầu tổng hợp protein xuất ra khỏi tế bào. Phân tử protein đã được vận chuyển qua các bào quan theo trật tự nào sau đây?

A. Nhân → lưới nội chất hạt → bộ máy Golgi → màng sinh chất

B. Lưới nội chất hạt → bộ máy Golgi → màng sinh chất

C. Lưới nội chất trơn → bộ máy Golgi → màng sinh chất

D. Bộ máy Golgi → lưới nội chất hạt → màng sinh chất

Câu 7: Giả thuyết các trường hợp môi trường của tế bào theo bảng sau:

Môi trường	Nồng độ chất tan ngoài môi trường	Nồng độ chất tan trong tế bào
1	2%	1%
2	1%	0,9%
3	2,1%	2%
4	1%	1,5%

Hãy xác định có bao nhiêu môi trường bên ngoài tế bào là ưu trương?

A. 1

B. 4

C. 2

D. 3

Câu 8: Cây xanh tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ nhờ sử dụng nguồn năng lượng nào sau đây?

A. Ánh sáng

B. Hợp chất chứa sắt

C. Hợp chất chứa lưu huỳnh

D. Hợp chất chứa nitrogen

Câu 9: Màng sinh chất ở tế bào nhân thực không có chức năng nào sau đây?

A. Cung cấp trực tiếp năng lượng cho cơ thể hoạt động.

B. Các tế bào thu nhận thông tin nhờ các protein thụ thể.

C. Trao đổi chất với môi trường một cách có chọn lọc.

D. Các tế bào nhận biết nhau nhờ các gai glycoprotein

Câu 10: Bào quan nào sau đây chỉ có ở tế bào động vật mà không có ở tế bào thực vật?

A. Ti thể

B. Lysosome

C. Bộ máy Golgi

D. Lục lạp

Câu 11: Vì sao trong khẩu phần ăn nên hạn chế ăn mỡ động vật?

A. Vì trong mỡ động vật có thành phần axit béo không có lợi

B. Vì mỡ là chất dự trữ năng lượng của tế bào và cơ thể

C. Vì mỡ động vật có vai trò quan trọng với tế bào và cơ thể

D. Vì mỡ động vật sẽ hòa tan nhiều loại vitamin của cơ thể

Câu 12: Bào quan lưới nội chất trơn của tế bào nhân thực có chức năng nào sau đây?

A. Tổng hợp protein cho tế bào

B. Tổng hợp ATP

C. Phân hủy các tế bào bị tổn thương

D. Tổng hợp lipid

Phần tự luận (4 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Nêu cấu tạo và chức năng của ATP? Vì sao ATP được xem là “đồng tiền” năng lượng của tế bào?

Câu 2 (2,0 điểm). Thế nào là hô hấp tế bào? Hãy phân biệt giai đoạn đường phân với chu trình Crep của hô hấp tế bào về vị trí xảy ra, nguyên liệu, sản phẩm?

----- Hết -----

